

Diễn châu, ngày 27 tháng 6 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp Giấy phép môi trường;

Căn cứ Biên bản họp tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tổ thẩm định được thành lập theo Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND huyện Diễn Châu;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần SOTU ngày 02 tháng 3 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Diễn Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần SOTU, địa chỉ tại xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư Trung tâm Thương mại dịch vụ tại xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Đầu tư Trung tâm Thương mại dịch vụ tại xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: số 2901907252 do Phòng Đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/10/2017, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12/5/2020, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 29/4/2022.

1.4. Mã số thuế: 2901907252.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

* Phạm vi, quy mô:

- Tổng diện tích dự án: 18.644,00 m².



Chữ ký và dấu của người đại diện hợp pháp.

- Diện tích xây dựng: 8597,0 m²
- Mật độ xây dựng toàn khu: 46,11%.
- Tầng cao công trình: 01 tầng.
- + Showroom trưng bày, cao 1 tầng + 01 tầng lửng, diện tích XD: 2160 m²;
- + Xưởng dịch vụ + kho, cao 1 tầng, diện tích XD: 3168 m²;
- + Nhà dịch vụ khách chờ xe du lịch, cao 2 tầng, diện tích xây dựng 217,5 m²;
- + Nhà dịch vụ khách chờ xe tải, cao 1 tầng, diện tích xây dựng 126,5 m²;
- + Nhà ăn, nghỉ ca CBNV, cao 1 tầng, diện tích xây dựng: 324,0 m²;
- + Nhà Gara xe 02 bánh, cao 1 tầng, diện tích xây dựng: 168,0 m²;
- + Bể nước PCCC+Sinh hoạt; diện tích xây dựng 160,0 m²;
- + Nhà trạm bơm, cao 01 tầng, diện tích xây dựng: 9,0 m²;
- + Khu vực rửa xe;
- + Bể xử lý rác thải; diện tích xây dựng: 80,0 m²;
- + Trạm điện;
- + Sân bóng đá;
- + Bãi đậu xe;
- + Bãi tập kết xe mới;
- + Tiểu cảnh;
- + Bảng hiệu quảng cáo;
- + Nhà trực, cao 1 tầng, diện tích xây dựng: 24 m²

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường

kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần SOTU có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

(Chữ ký)

2.4. Báo cáo kịp thời về phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Diên Châu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ~~27~~ tháng 6 năm 2022 đến ngày ~~27~~ tháng 6 năm 2032).

Điều 4. Giao Phòng tài nguyên và môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

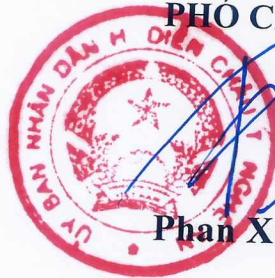
Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần SOTU;
- Chủ tịch, phó chủ tịch phụ trách;
- Công Thông tin điện tử của UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Lưu VT.





TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Xuân Vinh



Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Diên Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải được phát sinh từ 03 nguồn:

- Nguồn số 01: nước thải từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại trung tâm và khách hàng.
- Nguồn số 02: nước thải từ quá trình vệ sinh sàn
- Nguồn số 03: nước thải từ quá trình rửa xe, làm sạch bên ngoài trước khi đưa vào xưởng để sửa chữa, bảo dưỡng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải của sơ sở sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được dẫn ra nguồn tiếp nhận là kênh Vách Bắc.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định từ hệ thống xử lý nước thải rồi theo mương thoát nước rộng 1m, sâu 0,8m, có chiều dài 200m chảy ra mương thoát nước thải của Quốc lộ 1A.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 2105710$ (m); $Y = 587316$ (m)
 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiều 3°)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, $0,83 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn, 6/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sản xuất (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (trong đó $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ với $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

Bảng 1. Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép ($C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ với $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	BOD ₅	mg/L	54		
2	COD	mg/L	162		
3	TSS	mg/L	108		
4	Tổng Dầu mỡ	mg/L	10,8		

vtc

	khoảng			Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục, định kỳ
5	Tổng Nito	mg/L	43,2	
6	Tổng Phốt pho	mg/L	6,48	
7	Coliform	MPN/100ml	5000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại, nước nấu ăn qua bể tách dầu mỡ sẽ được cho qua bể lắng 2 ngăn.

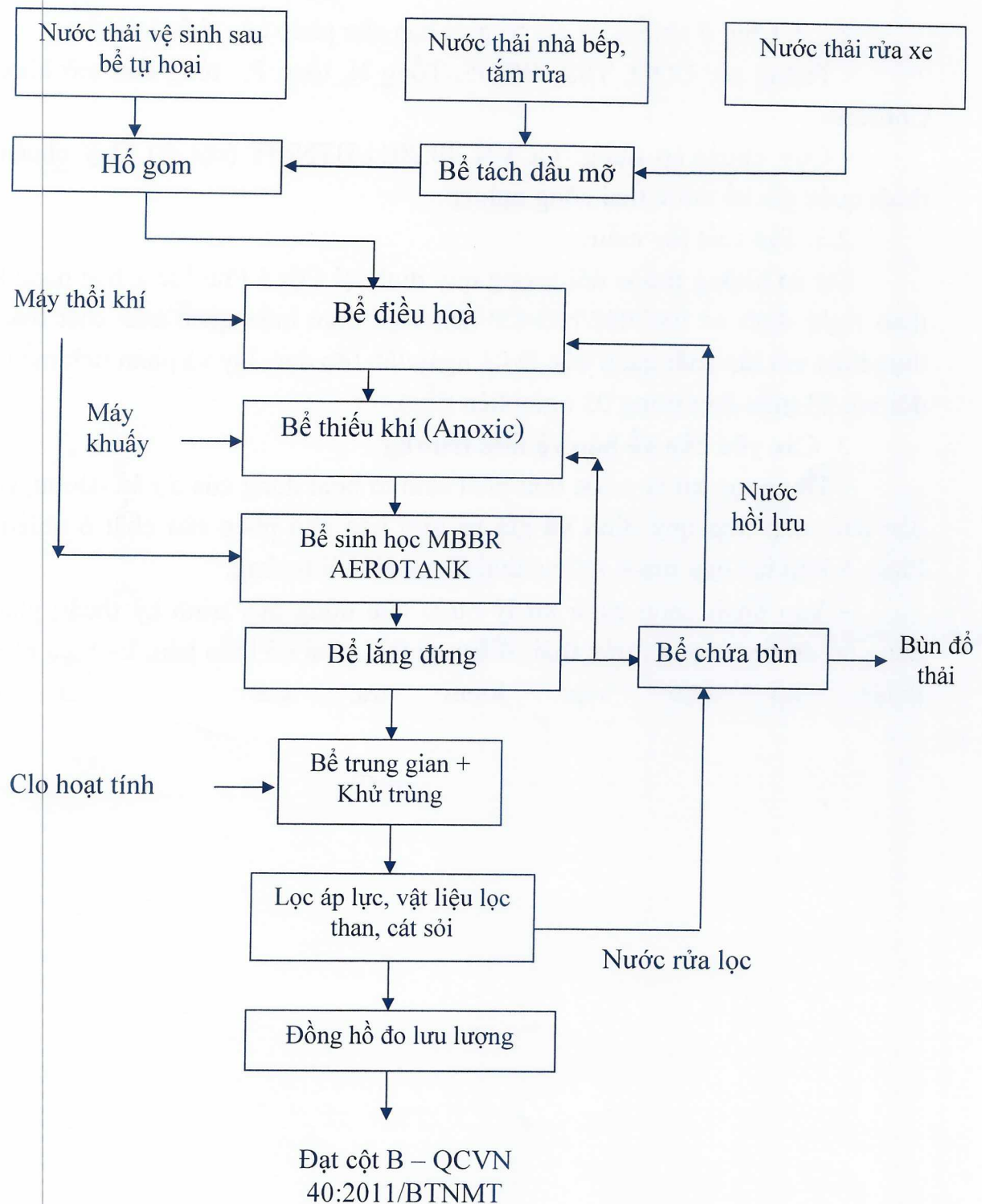
- Xử lý nước thải rửa xe, bảo dưỡng, sửa chữa: thu gom qua bể tách dầu mỡ sau đó chảy về hố gom và chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: hệ thống xử lý nước thải của trung tâm được sử dụng là hệ thống xử lý hóa lý kết hợp.

+ Nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom qua bể tách dầu mỡ (chỉ riêng nước thải từ nhà vệ sinh là qua bể tự hoại), sau đó dẫn qua hố gom, sau đó nước thải được bơm qua bể điều hòa. Nước thải từ bể điều hòa được bơm chuyển sang bể xử lý thiếu khí Anoxic (thời gian lưu từ 6-7 giờ), sau đó được chuyển sang bể đệm vi sinh lưu động MBBR - hiếu khí (thời gian lưu từ 10-11 giờ), tiếp tục nước thải được chảy sang bể lắng đứng; tiếp đó nước thải được dẫn qua bể trung gian + khử trùng (tại đây sẽ có lọc clo hoạt tính), sau đó nước thải được chảy tự nhiên theo cao độ sang bể lọc áp lực (có chứa các vật liệu lọc bằng sỏi, cát...). trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Bùn tại các bể được thu gom về bể chứa bùn và xử lý theo quy định.



Hình 1: sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: chất khử trùng (Clorine).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 7 đến tháng 9/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: lấy và phân tích mẫu nước thải sau xử lý tại hố lắng điểm đầu nối với mương thoát nước (hoặc vị trí xả thải).

vt

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Thông số: COD, TSS, BOD5, Tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP nên việc thực hiện quan trắc chất thải chỉ thực hiện với tần suất quan trắc là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Vận hành công trình xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật; phải có đồng hồ đo lưu lượng nước thải; điểm xả thải phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 01/GPMT-UBND ngày ... tháng 6 năm 2022 của UBND huyện Diên Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

Chất thải nguy hại là cặn dầu mỡ do quá trình sửa chữa, thay dầu máy cho khách hàng, giặt lau dầu mỡ, lon sơn, cặn nhớt thải...Ước tính khối lượng các chất thải nguy hại khoảng 590kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế: như thùng catton, giấy... đựng các loại vật tư phục vụ sửa chữa khối lượng khoảng: 3kg/ngày.

+ Chất thải rắn từ hoạt động sửa chữa (chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế): bao gồm phụ tùng cũ hỏng các loại, thùng xe, xăm lốp, đồ nhựa...Tổng khối lượng ước tính khoảng 180kg/tháng (khoảng 6kg/ngày).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho CTNH được bố trí ở tầng 1 (gần khu xưởng dịch vụ và kho) có diện tích khoảng 20m² để tập kết CTNH.

- Dán nhãn mã số ở kho, thùng chứa CTNH.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 10 thùng thu gom rác thải đúng quy cách ở các khu vực của Trung tâm thương mại.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: bố trí phòng 20m² trong khu vực nhà xưởng ở tầng 1 để lưu chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống các công trình xử lý chất thải (nước thải, chất thải công nghiệp thông thường); vận hành thiết bị đúng quy trình, thao tác và định lượng các hóa chất sử dụng theo khuyến nghị và hướng dẫn.



- Hệ thống đường trong nội bộ đã được xây dựng đảm bảo các xe cứu hỏa đến được vị trí các phân xưởng sản xuất.

- Tuyệt đối cấm lửa tại các khu vực có khả năng gây ra cháy cao, đã lắp đặt các biển cảnh báo “CẤM LỬA”.

- Các máy móc, thiết bị làm việc có hồ sơ lý lịch và quy trình làm việc cụ thể, được kiểm tra, kiểm định định kỳ tại các cơ quan có chức năng.

- Trong khu vực dự án (đặc biệt là khu vực chứa các thùng, can chứa dầu, bồn chứa dầu) đã bố trí các bình chữa cháy, họng chữa cháy. Các phương tiện phòng cháy, chữa cháy, được trang bị đầy đủ và đã được công an PCCC cấp giấy xác nhận.

- Hệ thống điện bao gồm các cầu dao sẽ được tổ chức phân bố hợp lý.

- Công nhân và nhân viên trong Công ty sẽ được trang bị kiến thức về phòng cháy chữa cháy và có nhiệm vụ tổ chức ngăn ngừa.



TT	Họ và tên người trưng dầu giá	Địa chỉ thường trú	Số CMND/CCCD	Lô đất số	Diện tích (m2)	Địa chỉ lô đất (Vùng quy hoạch)	Tổng số tiền đất trước của khách hàng tham gia dầu giá (đồng)	Số tiền đất trước bị thu hồi sung công quỹ Nhà nước (đồng)	Ghi chú
9	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-13	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
10	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-14	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
11	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-15	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
12	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-16	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
13	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-17	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
14	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-18	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
15	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-19	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
16	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-20	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
17	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-21	175,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
18	Nguyễn Toàn Năng	CT 14, chung cư Sông Đà, phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP Hà Nội	017086000169	CL-22	192,00	Rộc Thum Bắc, xóm Phúc Thiền, xã Diễn Phúc	385.000.000	385.000.000	
III Xã Diễn Mỹ				0116	254,20		200.000.000	200.000.000	
1	Nguyễn Xuân Thủy	Xóm 2, xã Diễn Hải, Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	040074003316	S-82	254,20	Vùng Rô Mỹ Lộc xóm 11, xã Diễn Mỹ	200.000.000	200.000.000	
Tổng cộng (I+II+III):				2016	3.648,40		7.280.000.000	7.280.000.000	